



**Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ**

Website: jsde.nctu.edu.vn



Phát triển kinh tế theo xu hướng Tăng trưởng xanh qua kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Nguyễn Thành Phương¹, Nguyễn Văn Định^{1*}

¹Trường Đại học Nam Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Nguyễn Văn Định (email: nvdinh@nctu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 25/11/2024

Ngày phản biện: 10/12/2024

Ngày duyệt đăng: 2/1/2025

Title: Economic development following the green growth trend through experiences from several countries around the world and lessons learned for Vietnam

Keywords: economic development, green growth, world experience

Từ khóa: kinh nghiệm thế giới, phát triển kinh tế, tăng trưởng xanh

ABSTRACT

Economic development through the promotion of green growth is a strategy aimed at restructuring and enhancing economic institutions to utilize resources more efficiently and increase the competitiveness of the economy. This is achieved through investing in technological innovation, natural capital, and economic tools, which in turn contribute to addressing climate change and ensuring sustainable economic development. In Vietnam, this approach has been implemented since 2012, as outlined in the "National Strategy on Green Growth for the period 2011-2020 and a Vision to 2050". While there have been some successes, there are also limitations in the implementation of Vietnam's green growth policy. This article aims to clarify the concept of green growth and examine the experiences of other countries in pursuing economic development through green growth. Based on this, potential solutions will be suggested to improve Vietnam's green growth policy in the future.

TÓM TẮT

Phát triển kinh tế theo xu hướng tăng trưởng xanh được hiểu là chiến lược thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả hơn nguồn tài nguyên, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ, vốn tự nhiên, công cụ kinh tế, từ đó góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm phát triển kinh tế bền vững. Tại Việt Nam phát triển kinh tế theo xu hướng tăng trưởng xanh đã được triển khai từ năm 2012, được cụ thể hóa thông qua “Chiến lược

Quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050". Bên cạnh những kết quả đạt được, chính sách tăng trưởng xanh của Việt Nam cũng còn những hạn chế nhất định trong quá trình thực hiện. Bài viết tập trung làm rõ khái niệm về tăng trưởng xanh, cũng như kinh nghiệm phát triển kinh tế theo xu hướng tăng trưởng xanh tại một số quốc gia trên thế giới. Từ đó, gợi mở một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách tăng trưởng xanh tại Việt Nam trong thời gian tới.

1. GIỚI THIỆU

Tăng trưởng xanh là mô hình phát triển được nhiều nước trên thế giới quan tâm, đặc biệt ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nơi đã thu được nhiều kết quả quan trọng. Tăng trưởng xanh là bước chuyển tiếp quan trọng nhằm hướng đến sự phát triển kinh tế bền vững trong tương lai (ESCAP, 2013; OECD, 2011c) [1],[2]. Để cụ thể hóa, các quốc gia thường ban hành chiến lược tăng trưởng xanh theo từng giai đoạn như ở Đức, Hàn Quốc, Trung Quốc, ... nhằm hướng tới một nền kinh tế có hiệu quả cao, nhưng lại ít gây tác động tiêu cực tới môi trường, Việt Nam đã xác định tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững. Tuy nhiên, còn rất nhiều rào cản để thu hút nguồn lực vào các dự án tăng trưởng xanh nên quy mô còn khá nhỏ, thiếu vốn đối ứng, vốn cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng (Hương & Quyên, 2022) [3].

Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050" của Thủ tướng Chính phủ ban hành và ngày 1/10/2021, với các mục tiêu tổng quát là tăng trưởng xanh, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, với mục tiêu đạt được sự thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế

xanh, trung hòa cacbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu [4].

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện vẫn tồn tại những thách thức bởi nhận thấy quá trình chuyển đổi sang tăng trưởng xanh chính là tăng trưởng bền vững. Điển hình là mô hình hiện tại đang chú trọng tới tăng trưởng theo hướng gia tăng các nguồn lực, tận dụng (hay nói cách khác là khai thác tối đa) nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ sản xuất dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng về môi trường, biến đổi khí hậu. Dù rằng đây là một định hướng có tầm nhìn và chiến lược của Đảng và Nhà nước, nhưng việc chuyển đổi này vẫn tồn tại những khó khăn nhất định khi mà năng lực, trình độ của quốc gia vẫn còn nhiều hạn chế so với thế giới. Nếu nhìn từ góc độ địa phương, không phải địa phương nào cũng sẵn sàng về hạ tầng chất lượng cao, công nghệ tiên tiến và cả về nguồn nhân lực có kỹ năng cao, để có thể tham gia ngay vào quá trình chuyển đổi sang tăng trưởng xanh, tăng trưởng bền vững. Đó là những khó khăn đang đặt ra đối với nền kinh tế, với các doanh nghiệp và với các địa phương (Hà, 2023) [5].

Từ đó, việc nghiên cứu Phát triển kinh tế theo xu hướng Tăng trưởng xanh qua kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam sẽ là bài học quý báu giúp Việt Nam hoàn thiện hóa cơ chế, công tác triển

khai theo định hướng mà Đảng và Nhà nước đã đề ra trong thời gian sắp tới.

Về mặt lý thuyết, Kinh tế xanh, Tăng trưởng xanh, là những thuật ngữ ngày càng trở nên phổ biến hiện nay. Tuy nhiên, việc sử dụng các thuật ngữ này hiện nay chưa có sự thống nhất và có sự tương đồng. Một số quốc gia như Hàn Quốc ưa dùng thuật ngữ Tăng trưởng xanh (Green growth), trong khi Liên minh Châu Âu gần đây sử dụng thuật ngữ Kinh tế xanh (Green economy) nhiều hơn. Về phía các tổ chức, các báo cáo của Liên hợp quốc (UNEP, UNDESA) và Phòng Thương mại Quốc tế (ICC) thường dùng thuật ngữ Kinh tế xanh, còn Tổ chức Hợp tác Phát triển kinh tế (OECD) và ngân hàng thế giới (World Bank) thường đề cập tới Tăng trưởng xanh.

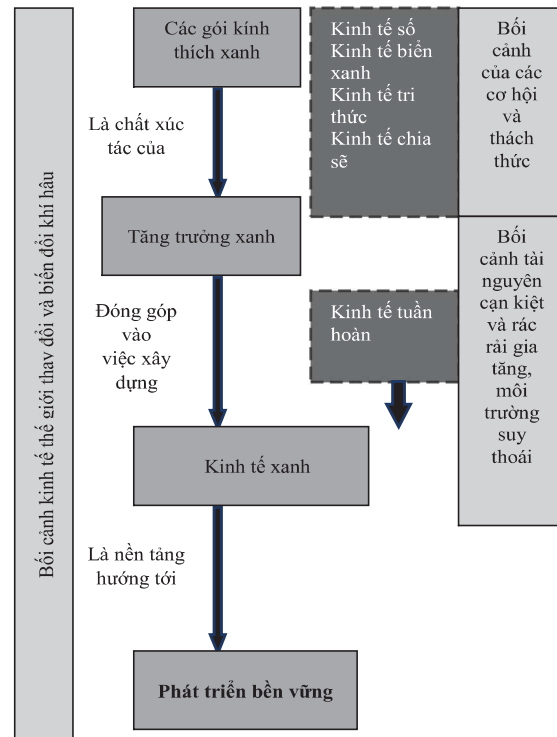
- Kinh tế xanh: Có nhiều khái niệm khác nhau về Kinh tế xanh. Liên minh châu Âu cho rằng Kinh tế xanh là nền kinh tế tăng trưởng thông minh, bền vững và công bằng (European Commission, 2010) [6]. Nhóm Liên minh kinh tế xanh (The Green Economy Coalition) cho rằng, kinh tế xanh là nền kinh tế tạo ra chất lượng cuộc sống tốt hơn cho tất cả mọi người trong giới hạn sinh thái của trái đất (Coalition, 2012) [7]. Cho đến nay, khái niệm của UNEP được coi là chính xác và đầy đủ nhất về Kinh tế xanh: “là nền kinh tế vừa mang lại hạnh phúc cho con người và công bằng xã hội, vừa giảm thiểu đáng kể các nguy cơ về môi trường và suy giảm sinh thái. Đó là nền kinh tế ít phát thải các-bon, sử dụng hiệu quả tài nguyên và đảm bảo công bằng xã hội” (UNEP, 2011b) [8].

- Tăng trưởng xanh: Tại Hàn Quốc cho rằng: Phát triển kinh tế xanh là sự tăng trưởng thông qua các phương thức bằng cách tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên, năng lượng, hướng đến giảm

thiếu biến đổi khí hậu gây tác hại đến môi trường. Thông qua đó, các quốc gia cần đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các công nghệ xanh, kiến tạo các công việc làm mới, nhằm tạo sự hài hòa giữa việc phát triển kinh tế cùng bảo vệ môi trường. Theo Ngân hàng Thế giới (WB) cho rằng Tăng trưởng xanh là hiệu quả trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên, sạch trong việc giảm thiểu ô nhiễm và các tác động môi trường, linh hoạt trong khả năng thích ứng với các hiểm họa thiên nhiên, quản lý môi trường và vốn tự nhiên trong phòng chống thiên tai (World Bank, 2012) [9]. Theo Tổ chức Hợp tác Phát triển kinh tế OECD, Tăng trưởng xanh bao gồm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đồng thời đảm bảo rằng các nguồn tài sản tự nhiên tiếp tục cung cấp tài nguyên và dịch vụ môi trường cho sự thịnh vượng của chúng ta. Để thực hiện điều này, tăng trưởng xanh phải là nhân tố xúc tác trong việc đầu tư và đổi mới, là cơ sở cho sự tăng trưởng bền vững và tăng cường tạo ra các cơ hội kinh tế mới (OECD, 2014) [10]. Dưới góc độ từ tổ chức sáng kiến Tăng trưởng xanh Liên hợp quốc cho rằng tăng trưởng xanh hay xây dựng nền Kinh tế xanh là quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh tế và cơ sở hạ tầng để thu được kết quả tốt hơn từ các khoản thu được cho tài nguyên, nhân lực và tài chính; đồng thời giảm khí thải nhà kính, khai thác và sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên hơn, tạo ra ít chất thải hơn và giảm sự mất công bằng trong xã hội. Theo Ủy ban Kinh tế xã hội khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của Liên hiệp quốc, tăng trưởng xanh là Chiến lược để đạt được phát triển bền vững. Tăng trưởng xanh chủ trương tăng trưởng GDP mà duy trì hoặc khôi phục lại chất lượng và tính toàn vẹn của môi trường sinh thái, đồng thời đáp ứng các nhu cầu của tất cả mọi người với mức thấp nhất có thể tác động đến môi trường (Thảo, 2020) [11].

Tại Việt Nam, từ năm 2012 đã có Chiến lược Tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, ngay trong Chiến lược này, thuật ngữ Kinh tế xanh đã được đề cập khá nhiều lần. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 [12]. Trong đó, khái niệm Tăng trưởng xanh được hiểu là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững (An Châu, 2021) [13]. Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh cũng xác định 3 nhiệm vụ chiến lược, gồm: Giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Xanh hóa sản xuất và Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững.

- Phát triển bền vững: Phát triển bền vững là thuật ngữ bao trùm tất cả các thuật ngữ kể trên. Ủy ban môi trường thế giới (WCED), nay là Ủy ban Brundtland khái niệm Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại tới khả năng đáp ứng các nhu cầu của thế hệ tương lai (WCED, 1987) [14]. Theo Điều 3, Luật bảo vệ Môi trường năm 2014 của Việt Nam, phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, đảm bảo tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường [15].



Hình 1. Mối quan hệ giữa Tăng trưởng xanh, Kinh tế xanh và phát triển bền vững

- Các nguyên tắc: (1) Nguyên tắc sử dụng hiệu quả tài nguyên: Sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, tiết kiệm, tránh lãng phí; (2) Nguyên tắc bảo vệ môi trường: Giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường, bảo vệ chất lượng môi trường sống; (3) Nguyên tắc ứng phó với biến đổi khí hậu: Hạn chế phát thải khí nhà kính, ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu; (4) Nguyên tắc phát triển xã hội: Đảm bảo phát triển kinh tế gắn liền với phát triển xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Hoạt động tăng trưởng xanh được định nghĩa như hành vi môi trường của công ty, bao gồm các hoạt động môi trường rộng rãi, có thể hỗ trợ một công ty trong quá trình ra quyết định và có lợi cho môi trường. Theo đó, thường có 2 thước đo quan trọng để xác định loại hoạt động Tăng trưởng xanh: sản phẩm và hỗ trợ cho hạ tầng. Có 2 cách tiếp cận phổ biến hiện nay về hoạt động Tăng

trường xanh: sản xuất bền vững và cải tiến sinh thái (Luan et al., 2016) [16]. Sản xuất bền vững: việc tạo ra các hàng hóa và dịch vụ sử dụng quy trình và hệ thống không gây ô nhiễm, bảo tồn năng lượng và các nguồn lực tự nhiên, khả thi về mặt kinh tế, an toàn và khỏe mạnh cho công nhân, cộng đồng và người tiêu dùng, xã hội và bổ ích cho mọi người lao động (Nasr & Thurston, 2006) [17]. Cải tiến sinh thái: là sự thực thi những cái mới hoặc cải thiện về sản phẩm (bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ), quy trình sản xuất, phương thức marketing, cấu trúc của tổ chức và sắp xếp thể chế có chủ đích hoặc không chủ đích nhằm hướng đến cải thiện môi trường so với những lựa chọn khác (OECD & Eurostat, 2005) [18].

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP

Bài nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu định tính qua tổng hợp và phân tích tài liệu. Trọng tâm là phân tích tài liệu, đặc biệt là các chính sách và chiến lược phát triển Tăng trưởng xanh của Việt Nam. Thông tin thu thập được trong giai đoạn đầu tiên đóng vai trò là nền tảng cho giai đoạn thu thập các tài liệu liên quan đến chính sách phát triển phát triển Tăng trưởng xanh, được phản ánh trong các văn bản quy định pháp luật, chính sách của Chính phủ. Các dữ liệu này được hệ thống hóa, tổng hợp đánh giá, phân tích để làm cơ sở đề xuất bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Thực trạng phát triển kinh tế xanh ở một số quốc gia trên thế giới

3.1.1 Kinh nghiệm từ Hàn Quốc

Hàn Quốc thuộc nhóm quốc gia duy nhất được công nhận rộng rãi đã triển khai thực hiện tăng trưởng xanh trên quy mô toàn quốc bằng cách thiết lập các mục tiêu đầy tham vọng và thực hiện các kế hoạch hành động. Sự quyết tâm

của Hàn Quốc trong việc theo đuổi tăng trưởng xanh đã góp phần đáng kể trong việc thay đổi tư duy cần thúc đẩy tăng trưởng xanh trên quy mô toàn cầu. Có rất nhiều yếu tố thúc đẩy phát triển kinh tế xanh tại quốc gia này, theo đó sẽ có sự giao thoa nhiều yếu tố khác nhau, nhưng chính yếu vẫn xuất phát ý chí chính trị mạnh mẽ của nhà nước, đặt tăng trưởng xanh các-bon thấp làm tầm nhìn quốc gia với hy vọng sẽ phát triển bền vững tạo điều kiện để đất nước vượt lên trên, trở thành một thể lực “Xanh” trong quan hệ quốc tế (Tú, 2022) [19]. Hàn Quốc tập trung vào các lĩnh vực được ưu tiên như:

Tập trung xử lý nguồn chất thải: Hàn Quốc đã triển khai xây dựng bãi chôn lấp Sudokwon để bảo vệ môi trường có tổng diện tích sử dụng là 19.986.000m² vào ngày 11 tháng 9 năm 1987. Đây là công trình liên hoàn xử lý rác khép kín, bảo vệ môi trường. Bởi công ty Sudokwon phải tiến hành các thủ tục khi chuyển giao rác vào bãi chôn lấp như: đóng tiền ký gửi thẻ đo lường, cấp thẻ đo lường, kiểm tra rác thải theo quy định, cân xe ra vào để tính lượng rác thải, rửa xe trước khi ra khỏi bãi..., các dự án biến bãi rác thành công viên xanh “Dream Park”. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng năng lượng mới, chính phủ Hàn Quốc đã chi 33.000 tỷ won phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, cùng 4.500 tỷ won cho hệ thống lưu trữ năng lượng.

Triển khai khu đô thị xanh với những kiến tạo phát triển công nghệ xanh: Phát triển công nghệ xanh, giao thông xanh, nhà xanh, văn phòng xanh, trường học xanh, xã hội với lượng cacbon thấp, khuyến khích người dân sử dụng xe đạp, khuyến khích người dân trồng rừng, trong năm đầu tiên triển khai đã có 500 triệu cây giống cung cấp cho người dân, tháng 2 năm 1963 Hàn Quốc đã ban hành tạm thời đạo luật trồng rừng. Theo

đó, nam giới từ 29 đến 33 tuổi đều phải tham gia hợp tác xã lâm nghiệp, việc trồng rừng là nhiệm vụ bắt buộc với hết thảy người dân lao động. Việc trồng rừng phải tính năng làm sạch không khí, thì việc trồng rừng sẽ giúp tăng giá trị kinh tế, bởi những cây được triển khai là giống cây minh quyết đen, cây hạt dẻ, cây dương ý. Việc phủ cây xanh không chỉ được quan tâm ở khu vực hoang hóa, mà còn được triển khai tại các thành phố, vành đai của các thành phố. Thông qua cơ chế tái trồng rừng, bao gồm các hoạt động tái trồng rừng khu vực ven sông có thể thúc đẩy phát triển phục hồi 04 dòng sông lớn là: Han, Nakdong, Geum, Yeo-ngsan, đây là một biện pháp phòng vệ trước hậu quả của biến đổi khí hậu. Dự án này nhằm đảm bảo 1.3 tỷ m³ nước phục vụ sinh hoạt cho người dân Hàn Quốc mỗi năm. Bên cạnh đó, chính phủ còn giảm thuế với các ngành năng lượng tái tạo, giảm trợ cấp cho ngành năng lượng hóa thạch, đây được nhận định là một trong những chiến lược giúp Hàn Quốc chuyển đổi sang năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Cụ thể chính sách năng lượng của Hàn Quốc đã hỗ trợ cho việc phát triển quang điện mặt trời, thông qua giảm thuế quan cao hơn sáu lần so với phát triển năng lượng xăng dầu truyền thống (Hùng et al., 2015) [20].

Quản lý nguồn nước thải: Trong giai đoạn 1998 đến năm 2003 chính phủ Hàn Quốc đã chi 11.1 nghìn tỷ Won để triển khai xây dựng các vùng đệm tại các bờ sông, cũng như triển khai các công để kiểm soát lượng nước thải, hiện Hàn Quốc đang có 1.476 trạm kiểm soát chất lượng nguồn nước. Trong đó, có 47 trạm kiểm soát tự động 34 hạng mục kiểm soát nguồn nước sông, 35 hạng mục đối với nước hồ, 2499 trạm kiểm soát đối với nước ngầm. Việc kiểm soát chất lượng nguồn nước được tiến hành mỗi năm 2 lần.

Bên cạnh đó, Hàn Quốc còn áp dụng hệ thống chi phí đối với các dịch vụ liên quan đến môi trường, khi người tiêu dùng sử dụng các loại sản phẩm có nguồn gốc từ nước khoáng phải chi trả một khoản phí tương ứng 7.5% giá trị sản phẩm, phí này sẽ được sử dụng cho các mục đích cải thiện chất lượng nguồn nước ngầm.

Trước bối cảnh khủng hoảng kinh tế trong giai đoạn cuối năm 2008, Hàn Quốc đã triển khai gói kích cầu xanh triển, với nội dung trọng tâm là tạo việc làm và nâng cao hiệu quả của các ngành nghề có khả năng thúc đẩy phát triển kinh tế. Kế hoạch này kết hợp chính sách tăng trưởng xanh ngắn hạn và khả thi với chính sách tạo công ăn việc làm nhằm đạt hiệu quả tương hỗ về mặt chính sách cao nhất. Đây là kế hoạch xây dựng một nền kinh tế tiết kiệm tài nguyên trên cơ sở tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng tài nguyên và phát triển năng lượng sạch; nâng cao chất lượng cuộc sống bằng việc xây dựng mạng lưới giao thông xanh, cung cấp nước sạch, ô tô xanh, nhà xanh, trường học xanh, văn phòng xanh; bảo đảm an toàn cho tương lai thông qua việc giảm phát thải nhà kính, quản lý tài nguyên nước, quản lý rừng và hệ sinh thái; xây dựng ngành công nghiệp hướng tới tương lai thông qua nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, phát triển công nghệ, xây dựng hạ tầng thông tin, ... Gói Kích cầu xanh áp dụng trong 4 năm kể từ năm 2009 với tổng số vốn đầu tư là 50 ngàn tỷ won (khoảng 4,3 tỷ đô la) tạo khoảng 960 ngàn việc làm mới (Trung tâm thông tin - Tư liệu, 2017) [21].

Ban hành Luật Tăng trưởng xanh: Năm 2010, Luật Tăng trưởng xanh được ban hành tại Hàn Quốc được nhận định là đạo luật quy định bao quát hết thảy các vấn đề có liên quan đến năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế vững bền. Theo đó, tại Điều 1 của Luật tăng

trường xanh của Hàn Quốc đã đề ra định hướng tăng trưởng xanh được thể hiện qua các mục tiêu như: tạo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường thông qua thiết lập nền tảng cho phát triển các bon thấp và tăng trưởng xanh; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua việc thực hiện công nghiệp xanh và phát triển công nghệ xanh như là động lực của tăng trưởng; đóng góp cải thiện chất lượng cuộc sống; biến Hàn Quốc thành quốc gia phát triển và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế thông qua việc hiện thực hóa xã hội các bon thấp. Trên tinh thần đạo luật này, Hàn Quốc cũng đã tiên phong Hàn thành lập Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) với chức năng hỗ trợ các quốc gia đang phát triển trong việc thiết lập các chính sách tăng trưởng xanh thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm phát triển của Hàn Quốc, đưa ra các kết quả nghiên cứu chất lượng cao cho các nhà hoạch định chính sách và xây dựng mạng lưới tăng trưởng xanh. Năm 2012 mạng lưới này có thành viên là các nước tài trợ bao gồm Úc, Đan Mạch, Đức, Nhật Bản, Ả rập Saudi, Anh cũng như các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp (UNDP & GGGI, 2015) [22].

Cùng với việc đặt ra mục tiêu tham vọng giảm phát thải khí nhà kính xuống 30% so với kịch bản thông thường vào năm 2020 (đây là mục tiêu giảm phát thải cao nhất được Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu đưa ra), chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện một chiến lược giảm thiểu biến đổi khí hậu toàn diện và thành công trong việc thành lập trung tâm nghiên cứu và lưu trữ khí nhà kính - một trung tâm chuyên biệt về lưu trữ khí nhà kính (Trung tâm thông tin - Tư liệu, 2017) [21].

3.1.2 Kinh nghiệm từ Trung Quốc

Trung Quốc thuộc nhóm quốc gia có lượng khí thải cao nhất thế giới, khi đó quốc gia này vẫn đặt ra mức tăng trưởng kinh tế 7%/năm. Trong

bối cảnh nỗ lực đưa Trung Quốc vào quỹ đạo phát triển bền vững. Trung Quốc đã triển khai các đặc khu kinh tế xanh, theo đó đã chọn ra 02 thành phố là Vũ Hán thuộc tỉnh Hồ Bắc và Chu Châu thuộc tỉnh Hồ Nam thuộc nhóm thành phố tiên phong thí điểm cho việc phát triển công nghiệp xanh. Theo đó, để thực hiện các mục tiêu đề ra, Trung Quốc đã tập trung vào 6 nhóm chính sách chủ yếu sau: chính sách về năng lượng, chính sách công nghiệp, chính sách thị trường, chính sách tiêu dùng với sự tham gia trực tiếp của khu vực công trong thực hiện các hành động xanh và luật về mua sắm công xanh, chính sách về đầu tư (như đầu tư công về hạ tầng năng lượng); các chính sách về đổi mới công nghệ xanh trong công nghiệp và năng lượng, cuối cùng là các chính sách quản lý (Lütkenhorst, 2014) [23]. Để triển khai các mục tiêu này Trung Quốc đã xúc tiến phát triển công nghiệp theo phương châm:

Phát triển nền kinh tế Carbon thấp: Theo mô hình này Trung Quốc sẽ đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông công cộng, hạn chế tốc độ tăng trưởng của giao thông cá nhân, đẩy mạnh sự phát triển đường sắt trong nội đô thành phố và đường cao tốc giữa các thành phố nhằm thiết lập nên các hệ thống giao thông đa chiều, đầu tư và phát triển các loại xe, phương tiện carbon thấp như xe điện, phát triển các nhiên liệu sinh học cho công tác phục vụ giao thông công cộng. Bên cạnh đó, sẽ tối ưu hóa cơ cấu năng lượng như giảm tỷ lệ sử dụng than, phát triển nhà máy điện không sử dụng nhiên liệu hóa thạch, thúc đẩy thương mại hóa điện năng lượng mặt trời. Tại Trung Quốc việc tuân thủ tiêu thụ Carbon thấp được mô tả thông qua nguyên tắc 6R “Reduce - Reevaluate - Reuse - Recycle - Rescue - Recalculate”. Để tuân thủ các nguyên tắc này, Trung Quốc đã ban hành các đạo luật như Luật tiêu thụ bền vững, Luật mua sắm

xanh,... đồng thời cũng đã thiết lập một hệ thống thông tin công khai liên quan đến pháp luật, tiêu chuẩn môi trường, thủ tục tố tụng hành chính, các sản phẩm xanh..., hỗ trợ tài chính cho các đối tượng sử dụng các sản phẩm xanh, trợ cấp về giá nếu tiêu thụ các sản phẩm tiết kiệm điện, xe ô tô năng lượng. Ngoài ra, cũng đề ra các giải thưởng tiêu biểu trong hoạt động bảo vệ môi trường như doanh nghiệp xanh, cộng đồng xanh, bệnh viện xanh, trường học xanh,... (Khánh, 2022) [24].

Xây dựng hệ thống thuế xanh và tăng chi tiêu ngân sách cho sự phát triển nền kinh tế carbon thấp: Tăng phí ô nhiễm, tăng phạm vi thu, từng bước thay thế phí ô nhiễm bằng các loại thuế ô nhiễm, bảo đảm nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền (Hương & Quyên, 2022) [25]. Trung Quốc đang hình thành lộ trình liên quan đến thuế carbon sẽ được bắt đầu sớm để thiết lập một mức giá ổn định cho sự đổi mới carbon thấp và thương mại hóa trên quy mô lớn. Trước mắt không đặt quá cao nhưng khi nền kinh tế tiếp tục phát triển và có sự chấp nhận của xã hội, thuế carbon sẽ được điều chỉnh phù hợp với thị trường. Để đảm bảo các doanh nghiệp cùng phát triển xanh, Trung Quốc tiến hành hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh có tính tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và đổi mới công nghệ carbon thấp, bao gồm:

- Các hàng hóa và công ty tiết kiệm năng lượng sẽ được giảm thuế hoặc trợ cấp trực tiếp và tiết kiệm năng lượng sẽ được coi trọng hơn trong mua sắm chính phủ.

- Giảm thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng với thiết bị năng lượng tái tạo; cung cấp các khoản trợ cấp cho các hộ gia đình mua tấm lợp năng lượng mặt trời hoặc máy phát điện gió nhỏ.

- Tăng cường đầu tư nghiên cứu và phát triển carbon thấp; cung cấp giảm thuế cho các DN thực

hiện carbon thấp nghiên cứu và phát triển và đổi mới công nghệ.

- Tăng cường các kênh tài trợ: Trong tương lai gần, các quỹ của chính phủ hiện tại phải được tổ chức lại và tiêu chuẩn hóa với định hướng chuyển dịch sang các quỹ xây dựng, phát triển năng lượng bền vững, tập trung vào tiết kiệm năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo và đổi mới công nghệ. Trong trung và dài hạn, một phần doanh thu từ thuế nhiên liệu, năng lượng và carbon bổ sung có thể được phân bổ cho quỹ phát triển bền vững (Hùng, 2021) [26].

Tạo nguồn vốn đầu tư xanh: Thông qua biện pháp ưu tiên phát triển hệ thống tài chính xanh, đặc biệt chú ý đến các chính sách tín dụng xanh, đồng thời cùng với phát triển trái phiếu xanh, Trung Quốc đã tạo nguồn vốn cho đầu tư xanh (Guo, 2014) [27]. Với trái phiếu xanh, được hiểu là loại trái phiếu được phát hành nhằm hướng đến tài trợ cho các mục tiêu kinh tế xanh, đặc điểm của loại trái phiếu này là được quyền mua lại, lãi suất được tính dựa trên thỏa thuận của các bên. Theo đó, các tổ chức có quyền phát hành loại trái phiếu này bao gồm: các ngân hàng phát triển, ngân hàng chính sách, ngân hàng thương mại, cùng các công ty tài chính được thành lập một cách hợp pháp (Tú & Thu, 2020) [28]. Trong năm 2016 thị trường trái phiếu xanh đã có sự phát triển mạnh mẽ tại Trung Quốc, với giá trị phát hành đạt 36.2 tỷ USD, chiếm 1/3 thị phần trái phiếu xanh trên toàn cầu. Để có sự thành công này, Trung Quốc không chỉ phát triển trong phạm vi nội địa mà cả trên thị trường quốc tế. Đơn cử, tháng 10/2015 đã phát hành 1 tỷ đồng trái phiếu xanh tại thị trường London (MOF, 2019) [29].

3.1.3 Kinh nghiệm Tăng trưởng xanh từ Brazil

Brazil là một trong những nền kinh tế mới, được xếp vào nhóm các quốc gia phát khí thải

hàng đầu trên thế giới gây nên hiệu ứng nhà kính. Theo đó, một kế hoạch Tăng trưởng xanh toàn diện được thiết kế bởi Viện tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) dành cho Brazil được triển khai giai đoạn 1 vào tháng 7/2010. Theo đó, tại hội nghị các bên tham gia công ước lần thứ 03 (COP-3) tại Kyoto ngày 11/12/1997 Brazil đã ký kết giảm thiểu lượng khí thải trong hoạt động kinh tế nhưng chưa đưa ra những con số cụ thể rõ ràng. Vào tháng 11/2010 tại hội nghị COP-16 quốc gia này đã có những cam kết cụ thể, rõ ràng hơn như: cắt giảm lượng khí thải từ 36,1% đến 38,9% cho đến giai đoạn năm 2020; tại COP-21 tháng 11/2015 tại Paris, Brazil đã ký hiệp định lịch sử Paris về biến đổi khí hậu, để thực hiện các cam kết này Brazil đã hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong nước, cũng như thành lập diễn đàn về biến đổi khí hậu (FBMC), đây được nhận định là nơi gặp gỡ giữa chính phủ và xã hội, hướng đến hỗ trợ chính phủ trong việc xây dựng các thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu. Trọng tâm hướng đến Tăng trưởng xanh được Brazil chú trọng vào các lĩnh vực như:

Đẩy mạnh phát triển xanh trong hoạt động sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF): Trong đó, đáng chú ý là các hoạt động phá rừng đã tạo ra 40% tổng lượng khí thải của Brazil trong năm 2008 (De Gouvello, 2010) [30]. Để ngăn ngừa vấn nạn này, Brazil đã đề ra Kế hoạch hành động phòng ngừa và kiểm soát phá rừng ở khu vực Legal Amazo hướng tới tăng cường pháp luật thông qua các hoạt động kiểm soát bảo vệ rừng được tốt hơn. Đồng thời, Brazil cũng đề ra các chương trình bảo tồn khu vực Amazon (ARPA), đây là biện pháp giúp giảm thiểu nạn phá rừng với kinh phí đầu tư tương đối thấp, để hợp tác chặt chẽ trong việc bảo vệ rừng thì Viện nghiên cứu không gian Brazil (INPE) đã phát triển chương

trình giám sát vệ tinh trong bảo vệ rừng, cũng như phát triển hệ thống phát hiện chặt phá rừng (DETER). Đáng chú ý, là chương trình Bolsa Floresta thuộc giải pháp xã hội sẽ chi trả cho dịch vụ bảo vệ môi trường được triển khai lần đầu ở bang Amazonas. Trong hoạt động sản xuất, đã đề ra sáng kiến về cam kết xã hội, đây thuộc chương trình cam kết tự nguyện của người cam kết, trong hoạt động sản xuất không gây tác hại đến môi trường xanh.

Tăng trưởng xanh trong lĩnh vực nông nghiệp và chăn nuôi gia súc: Thống kê cho thấy lượng phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông nghiệp tại Brazil trong năm 2005 là 20% đã tăng lên 37% trong năm 2012 (Pedreira et al., 2015) [31]. Để giải quyết vấn đề này Brazil đã tập trung cải cách thể chế trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển chăn nuôi, theo đó đã tập trung chuyển đổi cơ cấu mô hình sản xuất truyền thống sang sản xuất có ứng dụng khoa học kỹ thuật, tiết kiệm diện tích đất, cải tạo các đồng cỏ hoang hóa; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh theo hướng mô hình phối hợp nông nghiệp-chăn nuôi- rừng (ILPF), triển khai canh tác qua hệ thống không cây xói (SPD), tập trung nguồn lực phát triển kinh tế gắn liền với rừng, kết hợp trồng rừng với công tác phát triển các loại sợi, gỗ, cellulose, phát triển công nghệ xử lý chất thải động vật kết hợp cho việc phát điện cùng sản xuất các hợp chất hữu cơ. Bên cạnh đó, Brazil cũng đã mở rộng phạm vi cũng như đối tượng ở khu vực nông thôn có thể được tiếp cận nguồn vốn tín dụng với ưu đãi lãi suất thấp, nếu canh tác theo chương trình trồng trọt thương mại và phục hồi rừng.

Khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo: Kể từ năm 1975, Chính phủ Brazil đã xây dựng chương trình Brazilian National Alcohol nhằm khuyến khích người dân loại bỏ các loại nhiên

liệu được sản xuất từ nhiên liệu hóa thạch như xăng, tăng cường sản xuất, cũng như khuyến khích sử dụng ethanol chiết xuất từ mía đường. Năm 2002, Bộ Môi trường và Năng lượng Brazil tiếp tục cho xây dựng Chương trình Các nguồn thay thế Năng lượng điện (PROINFA). Đây được xem là một cơ chế khuyến khích phát triển công nghiệp bằng năng lượng tái tạo. Chương trình này đi vào hoạt động năm 2004 với ưu tiên sử dụng ba loại công nghệ năng lượng tái tạo ở Brazil là gió, sinh khối và thủy điện nhỏ. Hiện nay, Brazil là quốc gia đi đầu tại ở Mỹ Latinh trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là thủy điện và ethanol, 31% tiêu thụ năng lượng của của Brazil đến từ thủy điện, trong khi 13% đến từ các nguồn tái tạo (Tollefson, 2015) [32]. Brazil là quốc gia sản xuất và tiêu thụ lớn nhất Ethanol từ mía, đáng chú ý quốc gia này cũng có những bước tiến đáng kể trong việc đảm bảo sử dụng Ethanol sử dụng với oto nhằm giảm thiểu khí thải.

Thực hiện chính sách khuyến khích tiết kiệm năng lượng: Kế hoạch Năng lượng Quốc gia của Brazil cho đến 2030 đã đưa ra ba nguyên tắc hành động chính trong lĩnh vực năng lượng: hiệu quả năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, và phát triển công nghệ. Trên thực tế, Chương trình Bảo tồn Hiệu quả Năng lượng Quốc gia (PROCEL) đã được đưa ra từ năm 1985 với ý tưởng chính là thúc đẩy tính hiệu quả của năng lượng qua ba mục tiêu chính: giảm những tổn thất kỹ thuật trong quá trình truyền tải và phân phối điện, hợp lý hóa việc sử dụng năng lượng điện, và tăng cường tính hiệu quả năng lượng trong các thiết bị điện. Từ năm 1998, các dự án về tính hiệu quả của năng lượng lần đầu tiên được thực hiện bởi các nhà phân phối. Vào tháng 7/1998 sau khi tái cơ cấu ngành điện, Cơ quan năng lượng điện quốc gia Brazil (ANEEL) đã thông qua Nghị quyết theo đó tất cả

các ưu đãi trong phân phối phải chiếm ít nhất là 1% doanh thu trong chương trình nâng cao hiệu quả điện năng Kế hoạch Quốc gia về Biến đổi khí hậu (PNMC) cũng đưa ra ba vấn đề ưu tiên trong giảm thiểu khí phát thải trong ngành điện. Đó là nâng cao hiệu quả trong việc phân phối và cung cấp năng lượng; thay thế nhiên liệu hóa thạch nhiều carbon bằng năng lượng hóa thạch có hàm lượng carbon ít hơn hoặc năng lượng từ các nguồn tái tạo; và thu giữ carbon. Phát thải tính trên đầu người của nước này kém xa với các nền kinh tế công nghiệp hóa khác và lượng khí thải của ngành năng lượng thấp hơn nhiều so với lượng khí thải từ hoạt động sử dụng năng lượng dưới dạng dầu diesel/nhiên liệu hóa thạch của ngành công nghiệp (ít hơn 3,6%) và giao thông vận tải ít hơn 6,1% (Arima et al., 2014) [33].

3.2 Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình phát triển Tăng trưởng xanh

Từ những kinh nghiệm tại các quốc gia trên có thể nhận thấy rằng các quốc gia đã có những thay đổi trong sản xuất kinh doanh nhằm phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu. Từ những vấn đề như đã chỉ ra, có thể nhận thấy sự thành công trong chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh hướng đến bảo vệ môi trường tuân theo các xu hướng sau:

Thứ nhất, tập trung xử lý nguồn chất thải, triển khai xây dựng bãi chôn lấp, xử lý rác khép kín, bảo vệ môi trường. Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp, người dân sử dụng năng lượng mới mang tính bền vững, bảo vệ môi trường tốt hơn. Tại Việt Nam đã tăng cường khuyến khích người dân dần thay đổi thói quen tiêu dùng, sử dụng nhiên liệu mang tính xanh như xăng E5, bởi những kết quả nghiên cứu cho thấy động cơ sử dụng xăng sinh học E5 tạo ra rất ít khí thải CO và HC, ít hơn hẳn các loại xăng thông dụng như A92

và A95 tới 20%. Chính vì vậy, loại xăng sinh học E5 được nhận định là nhiên liệu bảo vệ môi trường tốt hơn (Duy, 2017) [34]. Tuy nhiên, theo báo cáo của các doanh nghiệp kinh doanh đầu mỗi xăng dầu, năm 2019, tổng lượng tiêu thụ xăng E5 đạt khoảng 3,3 triệu m³, chiếm khoảng 39% tổng lượng tiêu thụ xăng các loại. Riêng đối với Tập đoàn xăng dầu Việt Nam, tỷ trọng tiêu thụ xăng E5 chiếm 43%, năm 2020, do ảnh hưởng của dịch covid, lượng tiêu thụ xăng E5 có xu hướng giảm. Thông tin từ Công ty TNHH MTV Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro), tỷ trọng tiêu thụ xăng E5 trong cơ cấu tiêu thụ xăng giảm từ 22,65% năm 2019 xuống 16,95% trong 7 tháng đầu năm 2020. Từ vấn đề trên trên kinh nghiệm bảo vệ môi trường, nhà nước sẽ tiến hành trợ giá cho các nhiên liệu sạch, tạo sự chênh lệch giá của các nhiên liệu, điều này thúc đẩy người tiêu dùng sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường. Bên cạnh đó, cần có lộ trình loại bỏ các nhiên liệu sẽ phát thải lượng khí ô nhiễm cao đơn cử như nguồn nhiên liệu xăng Ron92 trên thị trường hiện nay (An & Ngọc, 2019) [35].

Thứ hai, triển khai xây dựng hệ thống thuế xanh, tăng chi tiêu ngân sách cho sự phát triển nền kinh tế carbon thấp như: tăng phí ô nhiễm, tăng phạm vi thu, từng bước thay thế phí ô nhiễm bằng các loại thuế ô nhiễm, bảo đảm nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền. Điều này đã được thể chế hóa tại Luật bảo vệ môi trường năm 2022. Tuy nhiên, với các nguyên tắc hình thức xử phạt trong lĩnh vực môi trường vẫn chưa được hoàn thiện, cần có sự hiệu chỉnh kịp thời, bởi Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định mới nhất về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường [36]. Dù vậy, vẫn tồn tại những điều khoản chưa thật sự hợp lý như giảm mức xử phạt với các hành vi hành vi bỏ đầu mẩu, tàn thuốc lá

sai quy định, trước đây mức tiền từ 500.000 đồng đến 1 triệu đồng, nhưng quy định mới mức phạt tiền từ 100.000 đồng đến 150.000 đồng; hay các hành vi vệ sinh cá nhân không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng sẽ chịu mức phạt tiền từ 150.000 đồng đến 250.000 đồng, định mức này vẫn chưa đủ sức răn đe.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại những “điểm vênh” trong quy định tại địa phương cùng luật định. Đơn cử: trong việc phân loại và xử lý rác thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định sửa đổi cách phân loại rác thành 2 nhóm, gồm: Nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và nhóm chất thải còn lại. Tuy nhiên, tại Khoản 1 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân theo 3 loại sau: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác. Từ đó, khi có những sai phạm trong lĩnh vực môi trường về xử lý chất thải, cơ quan chức năng sẽ xử phạt theo hành vi không tuân thủ phân loại rác thành 2 loại theo quyết định của thành phố, hay 3 loại theo Luật Bảo vệ môi trường (Điều, 2022) [37]. Từ vấn đề trên đòi hỏi Việt Nam cần kiện toàn hệ thống pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường, đồng thời tuân thủ việc áp dụng pháp luật một cách kịp thời, nghiêm minh trong xử lý, xử phạt hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường.

Thứ ba, hướng tới bảo vệ kinh tế xanh. Các quốc gia đã đẩy mạnh phát triển và bảo vệ rừng, thúc đẩy nguồn vốn tín dụng đầu tư cho phát triển rừng, cũng như thu hút nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư ở nội dung kinh tế rừng..., mặt khác nhà nước cũng đã đầu tư chi phí cho công tác bảo vệ rừng. Tại Việt Nam diện tích rừng tự nhiên ở Việt Nam đang suy giảm nhanh với tốc độ nhanh, khi độ che phủ của rừng tại nước ta

hiện còn chưa đến 40%, diện tích rừng nguyên sinh còn khoảng 10%. Theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp, chỉ trong hơn 5 năm từ năm 2012 -2017, diện tích rừng tự nhiên đã bị mất do chặt phá rừng trái pháp luật mất chiếm 11%, 89% còn lại do chuyển mục đích sử dụng rừng tại những dự án được duyệt. Năm 2019, riêng phá rừng đã phát hiện 1.179 vụ, tăng trên 16% so với năm 2018, vận chuyển động vật hoang dã tăng 21%. Nghiên cứu của quỹ Châu Á cho biết, trong 20 năm qua, Việt Nam là một trong 5 nước có rủi ro thiên tai lớn nhất toàn cầu, với mức thiệt hại ước tính chiếm đến 1,5% GDP hàng năm. Các hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất... đã và đang gây trở ngại cho sự phát triển của đất nước. Trên thực tế, rừng vẫn đang bị tàn phá, làm suy giảm về số lượng và chất lượng. Mất rừng là mất nơi trú ẩn, sinh cảnh của các loài động thực vật, mất đi các nguồn gen quý. Theo ước tính, Việt Nam đang mất đi 137 loài thực vật, động vật và côn trùng mỗi ngày do phá rừng nhiệt đới, con số này tương đương với 50.000 ha, hoa màu là 19.000 ha và cây ăn quả là hơn 52.000 ha. Để quản lý tốt vấn đề bảo vệ rừng, thiết nghĩ Chính phủ ngoài việc chỉ đạo quyết liệt, đòi hỏi cần có chế tài trách nhiệm với chính quyền địa phương các cấp xảy ra tình trạng phá rừng. Ngoài quy trách nhiệm cho người đứng đầu, Luật định cần có chế tài răn đe hơn như khởi tố những vụ liên quan tới vi phạm pháp luật, đồng thời điều chỉnh với mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất từ ngân sách Nhà nước còn thấp, bởi hiện nay mức hỗ trợ từ Nhà nước chỉ đáp ứng khoảng 12% so với chi phí người dân đầu tư trồng rừng gỗ lớn. Hiện phần lớn các hộ tham gia trồng rừng kinh tế khó khăn, thu nhập từ việc đầu tư trồng rừng mang lại thấp, thời gian thu hồi vốn dài, ... nên chưa thu

hút được các hộ gia đình mạnh dạn đầu tư (Hồng, 2020) [38].

Thứ tư, xây dựng nhân lực cho phát triển tăng trưởng xanh. Nhân lực phục vụ cho tăng trưởng xanh là vô cùng quan trọng, chính vì vậy bên cạnh việc định hướng, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực tăng trưởng ưu tiên khuyến khích thì Chính phủ cũng cần có chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thông qua các tổ chức nghiên cứu, trường đại học và chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài. Ngoài ra, ta cần xây dựng cầu nối giữa các doanh nghiệp và các tổ chức khoa học, công nghệ bằng các chương trình như hội chợ giới thiệu các công nghệ mới, phổ biến kiến thức khoa học, ...

4. KẾT LUẬN

Tăng trưởng xanh là một xu hướng tất yếu của Việt Nam và các quốc gia trên thế giới, dù rằng Việt Nam đã tiến hành triển khai, cũng như ban hành các thể chế, chính sách nhằm định hướng phương pháp, nhiệm vụ cần triển khai. Tuy nhiên, việc triển khai chưa mang tính đồng bộ, luật định vẫn chưa kiện toàn cũng như áp dụng một cách hiệu quả ở phạm vi bảo vệ, xử phạt trong lĩnh vực môi trường. Việc tham khảo kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới là vấn đề cần thiết, sẽ giúp Việt Nam có thêm những kinh nghiệm, lựa chọn xu hướng khác nhau, hướng đến đạt được những mục tiêu tăng trưởng kinh tế xanh. Phát triển kinh tế theo xu hướng tăng trưởng xanh là chìa khóa để Việt Nam hướng tới tương lai bền vững. Việc học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia tiên tiến, kết hợp với những đặc thù riêng của đất nước, cùng với sự chung tay góp sức của toàn xã hội, từ chính phủ, doanh nghiệp đến người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ESCAP, U. N. (2013). *Green growth indicators: A practical approach for Asia and the Pacific*.
- [2] OECD. (2011). *Toward green growth: measuring progress, OECD indicator*. OECD Publishing.
- [3] Hương, N. T. M., & Quyên, B. T. (2022). Kinh nghiệm thúc đẩy tăng trưởng xanh của một số quốc gia và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, 6(115), 46-52.
- [4] Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050”*.
- [5] Lý Hà (2023). Ba khó khăn và ba lợi thế chuyển đổi tăng trưởng xanh. *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*. <https://vneconomy.vn/ba-kho-khan-va-ba-loi-the-chuyen-doi-tang-truong-xanh.htm>.
- [6] Silander, D. (2019). The European Commission and Europe 2020: Smart, sustainable and inclusive growth. In *Smart, sustainable and inclusive growth* (pp. 2-35). Edward Elgar Publishing.
- [7] Coalition, G. E. (2012). The green economy pocketbook: the case for action. *Summary: From Crisis to Opportunity [online]*. www.greeneconomycoalition.org (accessed 21 July 2022).
- [8] Sukhdev, O., Lemmet, S., Bouzar, K., Stone, S., Park, Y. W., Gueye, M. K., & Salim, N. (2010). *Overview of the Republic of Korea’s national strategy for Green Growth*. United Nations Environment Programme.
- [9] World Bank. (2012). *Inclusive green growth: the pathway to sustainable development*. Washington, D.C. Retrieved from.
- [10] OECD. (2014). *Green Growth Indicators 2014*. OECD Green Growth Studies, OECD Publishing.
- [11] Phạm Thị Bích Thảo (2020). *Một số vấn đề về kinh tế xanh tại Việt Nam*. *Tạp chí Tài chính*, 9(1), 44-48
- [12] Chính phủ. (2012). *Quyết định về Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh cho thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến 2050*.
- [13] An Châu (2021). *Định nghĩa về tăng trưởng xanh của một số quốc gia, tổ chức quốc tế*. Cổng thông tin điện tử của Bộ Công thương. <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/dinh-nghia-ve-tang-truong-xanh-cua-mot-so-quoc-gia-to-chuc-quoc-te.html>.
- [14] WCED. (1987). *Our common future*. New York: Oxford University Press.
- [15] Luật bảo vệ Môi trường. (2014). *Luật số 55/2014/QH13 của Quốc hội: Luật bảo vệ môi trường*. Số ký hiệu, 55/2014/QH13. Ngày ban hành, 23-06-2014.
- [16] Luan, C. J., Tien, C., & Chen, W. L. (2016). Which “green” is better? An empirical study of the impact of green activities on firm performance. *Asia Pacific Management Review*, 21(2), 102-110.
- [17] Nasr, N., & Thurston, M. (2006). Remanufacturing: A key enabler to sustainable product systems. *Rochester Institute of Technology*, 23, 14-17.
- [18] OECD and Statistical Office of the European Communities (Eurostat). (2005). *Oslo Manual: Guidelines for Collecting and Interpreting Innovation Data* (3rd ed.), OECD, Paris.

- [19] Cẩm Tú (2022). *Bài 1: Tăng trưởng xanh ở Hàn Quốc*.
<https://kinhtetrunguoc.vn/web/guest/thong-tin-quoc-te/may-net-ve-tang-truong-xanh-o-han-quoc>.
- [20] Hùng, B. Đ., Hoè, C. N, Dương, L. T. H., Hùng, B. Đ. P., Thùy, H. T. K., An, L. T. ., Trí, P. Q., Hương, H. T. T. & Trúc, B. T. M. (2016). *Chính sách phát triển nền nông nghiệp xanh ở các tỉnh Nam Trung Bộ hiện nay*. Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ.
- [21] Đặng Thị Bồng (2017). *Chính sách tăng trưởng xanh của hàn quốc: kết quả đạt được và một số khó khăn, thách thức*. Trung tâm Thông tin - Tư liệu, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế trung ương. <https://ciem.org.vn/tin-tuc/6333/chinh-sach-tang-truong-xanh-cua-han-quoc-ket-qua-dat-duoc-va-mot-so-kho-khan-thach-thuc?newsGroup=Th%C3%B4ng%20tin%20-%20T%C6%B0%20li%E1%BB%87u>
- [22] UNDP & GGGI. (2015). *Global green growth: Clean Energy Industrial Investments and Expanding Job Opportunities*. Volume I: Overall Findings. Vienna and Seoul.
- [23] Lütkenhorst, W., Altenburg, T., Pegels, A., & Vidican, G. (2014). Green industrial policy: Managing transformation under uncertainty. *Deutsches Institut für Entwicklungspolitik Discussion Paper*, 28.
- [24] Doãn Công Khánh (2022). *Phát triển thương mại trong bối cảnh mới - Thực tiễn, vấn đề và giải pháp*. Đại học Luật.
- [25] Hương, N. T. M. & Quyên, B. T. K. (2022). Kinh nghiệm thúc đẩy tăng trưởng xanh của một số quốc gia và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, 6(115), 46 -52.
- [26] Vũ Huy Hùng (2021). *Tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế carbon thấp ở trung quốc và bài học cho việt nam (Phần 1)*. Cổng thông tin điện tử Viện nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương. <https://vioit.org.vn/vn/chien-luoc-chinh-sach/tang-truong-xanh--phat-trien-kinh-te-carbon-thap-o-trung-quoc-va-bai-hoc-cho-viet-nam--pha-n-1--4786.4050.html>.
- [27] Guo, P. (2014). Financial policy innovation for social change: a case study of China's green credit policy. *International Review of Sociology*, 24(1), 69-76.
- [28] Tú, Đ. N. T & Thu, V. T. A. (2020). Nguồn vốn cho đầu tư xanh: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam. *Tạp chí khoa học và đào tạo ngân hàng*, 215, 64-74.
- [29] MOF. (2019). *Phát triển trái phiếu xanh*. https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/l/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM149098.
- [30] De Gouvello, C. (2010). *Brazil Low-carbon Country Case Study*.
- [31] Pedreira, C. G., Silva, L. S., & Alonso, M. P. (2015). Use of grazed pastures in the Brazilian livestock industry: a brief overview. *Forages in Warm Climates*, 7, 7-17.
- [32] Tollefson, J. (2015). Battle for the Amazon. *Nature*, 520(7545), 20-24.
- [33] Arima, E. Y., Barreto, P., Araújo, E., & Soares-Filho, B. (2014). Public policies can reduce tropical deforestation: Lessons and challenges from Brazil. *Land use policy*, 41, 465-473.
- [34] Khánh Duy (2017). *Sử dụng xăng sinh học E5 hướng tới bảo vệ môi trường*. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/su-dung->

- xang-sinh-hoc-e5-huong-toi-bao-ve-moi-truong-456394.html.
- [35] Ngọc An & Ngọc Hiền (2019). *Nhiều cây xăng bỏ hẳn trụ xăng E5, vì sao?* <https://tuoitre.vn/nhieu-cay-xang-bo-han-tru-xang-e5-vi-sao-20190516230523593.htm>.
- [36] Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- [37] Thanh Điều (2022). *Lúng túng trong thực hiện Nghị định số 45/2022/NĐ-CP*. Báo điện tử Đại biểu nhân dân. <https://daibieunhandan.vn/Moi-truong/lung-tung-trong-thuc-hien-nghi-dinh-so-452022nd-cp-i302425/>.
- [38] Thúy Hồng (2020). *Bất cập trong chính sách đầu tư phát triển rừng: Vẫn chưa có hồi kết*. <https://baodantoc.vn/bat-cap-trong-chinh-sach-dau-tu-phat-trien-rung-van-chua-co-hoi-ket-1599140htm>.